

Thứ năm, ngày 27 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường tăng điểm nhẹ, ETF VFMVN DIAMOND được cấp phép

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/2/2020		●	
Tuần 24/2-28/2/2020		●	
Tháng 2/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index duy trì xu hướng giảm điểm trong phiên sáng nhưng đã hồi phục trở lại trong phiên chiều nhờ thông tin quỹ ETF VFMVN DIAMOND đã được cấp phép. Thông tin này đã giúp nhóm cổ phiếu trụ cột bao gồm các mã như CTD, FPT, TPB, MWG tăng điểm mạnh và tạo nhịp hồi phục cho thị trường. Thanh khoản thị trường không đổi, biên độ dao động thu hẹp với độ rộng thị trường tích cực cho thấy tâm lý giao dịch đang ổn định lại trên thị trường. Nhịp hồi phục trở lại sau khi chạm mức đáy 890 điểm trong phiên cho thấy tín hiệu khởi sắc của VN-Index. Nhà đầu tư có thể gia tăng tỷ trọng hoặc mở vị thế các cổ phiếu trong nhóm VN DIAMON khi nhóm này đang ở mức giá khá hấp dẫn sau nhịp giảm điểm vừa qua.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/2/2019, các chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_ 1.9%. 18/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** gồm các cổ phiếu của các công ty thuộc nhóm ngành dịch vụ tài chính và bảo hiểm - trong ngày hôm nay có mức **tăng mạnh 1.9%**, so với hiệu suất của VNINDEX là **0.3%**

Phân tích kỹ thuật: MWG_ Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.47 điểm**, đóng cửa 898.44. HNX-Index **+2.65 điểm**, đóng cửa 109.26.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.25); CTG (+0.44); TCB (+0.42); PLX (+0.39); MWG (+0.29)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.07); SAB (-0.69); GAS (-0.50); VJC (-0.33); VIC (-0.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,648 tỷ đồng**, **+2%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.2 điểm. Thị trường có 251 mã tăng, 56 mã tham chiếu 104 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **239.24 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm SVC (89.79 tỷ), MSN (39.19 tỷ) và VHM (37.15 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **10.78 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

898.44

Giá trị: 2648.71 tỷ

2.47 (0.28%)

Khối ngoại (ròng): -239.24 tỷ

HNX-INDEX

109.26

Giá trị: 458.44 tỷ

2.65 (2.49%)

Khối ngoại (ròng): -10.78 tỷ

UPCOM-INDEX

55.52

Giá trị: 0.36 tỷ

0.18 (0.33%)

Khối ngoại (ròng): -5.57 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	48.1	-1.23%
Giá vàng	1,645	0.27%
Tỷ giá USD/VND	23,240	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,316	0.15%
Tỷ giá JPY/VND	21,112	0.30%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	6.07%
LS TPCP 5 năm	3.7%	81.13%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	70.6	SVC	-89.8
CTG	13.4	MSN	-39.2
HPG	7.0	VHM	-37.2
VCB	5.0	VRE	-19.4
NKG	4.0	VCI	-18.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **18/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** gồm các cổ phiếu của các công ty thuộc nhóm ngành dịch vụ tài chính và bảo hiểm - trong ngày hôm nay có mức **tăng mạnh 1.9%**, so với hiệu suất của VNINDEX là **0.3%**

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

27/2/2020

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_1.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.9%	-3.4%	-10.2%	-12.6%	-15.7%	-22.8%	23.3%	21.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.6%	-1.9%	-4.2%	-1.1%	0.0%	7.9%	57.5%	17.4%
VN Diamond	1.6%	-1.7%	-2.4%	1.9%	3.0%	10.5%	56.7%	17.2%
Ngân hàng	1.5%	-3.7%	-2.3%	9.0%	14.6%	16.7%	82.9%	21.7%
VN FinSelect	1.3%	-2.3%	-1.3%	5.8%	9.2%	3.4%	35.6%	17.9%
Xây dựng	1.2%	-5.5%	-6.5%	-10.6%	-18.4%	-24.3%	-8.4%	18.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.2%	-2.4%	-6.2%	-3.4%	-3.2%	-0.4%	50.4%	15.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.2%	-2.5%	-1.2%	7.5%	11.7%	6.7%	42.5%	19.5%
Lãi suất giảm	1.1%	-3.9%	-4.5%	-2.5%	-7.4%	-7.1%	36.5%	17.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.0%	-2.5%	-6.7%	-5.4%	-6.4%	-6.1%	41.3%	14.8%
BĐS & Khu công nghiệp	1.0%	-3.2%	-7.4%	-11.1%	-11.2%	-8.2%	33.7%	16.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.0%	-2.4%	-4.2%	3.6%	4.7%	20.4%	92.0%	19.4%
Hàng tiêu dùng	0.9%	-1.2%	-5.8%	-9.8%	-12.8%	-10.5%	38.8%	17.5%
Dầu khí	0.7%	-5.8%	-13.6%	-19.7%	-21.5%	-18.6%	-7.4%	22.8%
Chiến tranh thương mại	0.5%	-3.3%	-8.4%	-12.3%	-17.3%	-10.0%	-3.9%	15.8%
FTSE Việt Nam	0.5%	-3.3%	-10.2%	-9.7%	-9.4%	-12.9%	65.8%	15.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	-2.7%	-2.0%	-1.6%	-4.1%	1.3%	35.4%	14.6%
Nước & Năng lượng	0.3%	-4.6%	-7.7%	-11.3%	-12.5%	-10.3%	32.2%	14.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	-4.1%	-10.4%	-11.3%	-10.9%	-13.9%	56.2%	13.9%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	-3.1%	-6.7%	-6.4%	-6.0%	-2.9%	-3.6%	18.7%
Ngành Dược	-0.5%	-1.7%	6.0%	0.0%	5.3%	6.3%	39.1%	17.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 15	1.5%	-2.2%	-10.3%	-10.1%	-13.0%	-10.5%	35.6%	18.0%
Danh mục 9	1.3%	-2.9%	-7.8%	-2.4%	0.7%	10.3%	73.0%	17.7%
Danh mục 4	1.2%	-2.2%	-5.8%	-6.3%	-4.4%	7.1%	44.6%	16.2%
Danh mục 18	0.6%	-4.1%	-10.5%	-1.5%	-2.7%	-4.2%	85.8%	19.5%
Danh mục 17	0.5%	-3.4%	-7.1%	-8.3%	-10.3%	-4.6%	106.8%	18.3%

* Note **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 21	1.5%	-1.7%	-5.8%	-4.1%	-2.2%	4.9%	48.7%	15.9%
Danh mục 25	1.3%	-2.3%	-6.0%	-2.9%	-5.0%	11.0%	88.1%	16.9%
Danh mục 23	1.3%	-3.8%	-7.6%	-4.6%	-3.6%	-2.7%	41.1%	16.9%
Danh mục 19	1.0%	-1.7%	-6.1%	-5.2%	-2.9%	6.5%	47.7%	15.4%
Danh mục 24	0.2%	-4.2%	-7.2%	-0.7%	-0.4%	5.8%	50.2%	19.3%

* Note **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

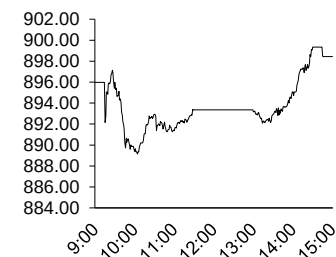
INDEX								
VNINDEX	0.3%	-4.2%	-9.4%	-8.1%	-8.6%	-9.7%	26.7%	15.4%
VN30INDEX	0.8%	-2.6%	-6.7%	-4.9%	-4.9%	-9.7%	27.1%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

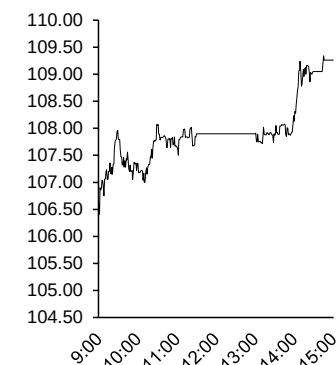
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-3.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.7%
Du lịch và Giải trí	-0.6%
Bất động sản	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hóa chất	0.4%
Thực phẩm và đồ uống	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.5%
Y tế	0.6%
Ngân hàng	0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.7%
Tài nguyên Cơ bản	1.1%
Xây dựng và Vật liệu	1.1%
Bảo hiểm	1.3%
Dịch vụ tài chính	1.3%
Công nghệ Thông tin	1.8%
Bán lẻ	1.9%
Dầu khí	1.9%
Truyền thông	3.8%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

MWG_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ âm.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: MWG đang hình thành xu hướng tăng giá sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 105. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình giao dịch 20 phiên trong phiên giao dịch gần nhất, cho thấy động lực tăng khá mạnh. Chỉ báo MACD ủng hộ xu hướng tích lũy trong khi chỉ báo RSI báo hiệu nhịp tăng giá ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu đang tiếp cận dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đang hình thành. Như vậy, cổ phiếu MWG nhiều khả năng sẽ tăng trở lại ngưỡng kháng cự cũ tại vùng giá 116-118 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Luận điểm đầu tư

1. Mạng BHX sẽ hòa vốn ở cấp độ cửa hàng và kho phân phối (DC) vào cuối năm 2019, bắt đầu có lời từ năm 2021. (Mở rộng nhanh: 495 cửa hàng mở mới năm 2019)
2. Điện Máy Xanh vẫn tiếp tục là động lực tăng trưởng chính cho MWG trong 2 năm tới nhờ vào chiến lược (1) mở rộng cửa hàng (250 cửa hàng trong năm 2019), (2) Gia tăng số lượng sản phẩm trưng bày (SKUs), (3) Triển khai bán các sản phẩm mới
3. Tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, tiết giảm chi phí SG&A, cải thiện biên lợi nhuận ròng.

Rủi ro Đầu tư

1. Rủi ro tốc độ tăng trưởng chậm lại trong tương lai khi (a) Chuỗi điện máy dần bão hòa trong 2 năm tới và (b) Mở rộng chuỗi BHX chậm hơn so với kế hoạch đặt ra, © Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng không duy trì được mức cao
2. Các khó khăn của MWG khi đẩy mạnh mở rộng chuỗi BHX bao gồm (a) Giải quyết bài toán logistic vận chuyển từ DC tới cửa hàng, (b) Các bài toán kinh doanh để có mức giá bán cạnh tranh hơn
3. Rủi ro về việc triển khai các dự án lớn như Long Tân, Đại Phước gặp khó khăn trong công tác đền bù hoặc kéo dài hơn dự kiến

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 27/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 27/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	47.91	-1.68%	-11.08%	-9.91%	-18.23%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	52.65	-1.46%	-11.23%	-10.47%	-19.30%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	141.24	-2.92%	-15.41%	-5.40%	-12.30%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1650.28	0.57%	1.90%	5.30%	26.79%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.04	0.66%	-1.77%	3.25%	16.83%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	889.25	-0.31%	-1.30%	-2.39%	-8.25%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	532.75	-0.56%	-4.74%	-6.74%	3.30%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.47	0.00%	-1.14%	-6.84%	4.57%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	181.20	-0.93%	n/a	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.54	-1.36%	-3.58%	1.54%	2.11%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.65	1.98%	1.51%	-1.56%	-1.64%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5670.00	-0.26%	-1.73%	-1.27%	-12.86%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3428.00	-1.04%	-0.35%	-6.90%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1696.00	-0.41%	-1.40%	-3.85%	-11.76%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	634.50	-3.35%	-3.42%	-7.42%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	65.95	-0.38%	-2.58%	-2.66%	-27.05%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent giảm 1.52 USD tương đương 2.77% xuống 53.43 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 1.17 USD tương đương 2.34% xuống 48.73 USD/thùng.
- Giá dầu giảm xuống mức thấp nhất hơn 1 năm sau hàng trăm trường hợp nhiễm virus corona mới tại châu Âu và Trung Đông, đẩy lên nỗi lo ngại nhu cầu năng lượng sẽ giảm và lo ngại virus có thể lây lan khắp nước Mỹ.
- Giá dầu theo xu hướng thị trường chứng khoán toàn cầu giảm sau báo cáo 83 người đang được theo dõi về khả năng phơi nhiễm virus corona tại New York. Các trường hợp virus đầu tiên được xác nhận tại các quốc gia bao gồm Hy Lạp, Georgia và Brazil, trong khi các nhà chức trách ban hành các hạn chế đi lại và kiểm dịch trên nhiều lục địa.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,645.79 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 giảm 0.4% xuống 1,643.1 USD/ounce.
- Giá vàng tăng sau khi giảm mạnh phiên trước đó do lo ngại về virus corona bùng phát và tác động đối với nền kinh tế toàn cầu, làm gia tăng kỳ vọng các ngân hàng trung ương lớn sẽ cắt giảm lãi suất.
- Tính từ đầu tháng đến nay, giá vàng tăng hơn 3%, đạt mức cao nhất 7 năm (1,688.66 USD/ounce) trong đầu tuần này do virus corona lây lan mạnh làm gia tăng nỗi lo ngại về suy thoái kinh tế.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn giao dịch Đại Liên giảm 2.8%. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cuộn cán nóng giảm 0.4% xuống 3,447 CNY (491.53 USD)/tấn, giá thép cuộn cán nóng giảm 0.3%.
- Giá thép tại Trung Quốc giảm do lo ngại virus corona lây lan mạnh sẽ trở thành 1 đại dịch toàn cầu, song kỳ vọng nhu cầu trong quý 2/2020 sẽ tăng đã hạn chế đà suy giảm. Nỗi lo ngại về virus corona lây lan mạnh đã làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thép, làm tê liệt thương mại thép toàn cầu và ảnh hưởng đến ngành công nghiệp thép Trung Quốc – chiếm khoảng 1/2 sản lượng thép toàn cầu.

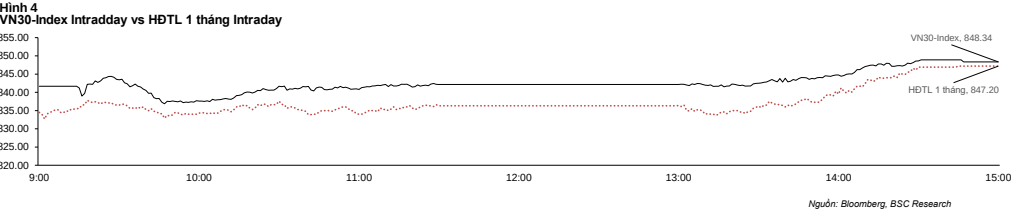
Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3 giảm 0.4 US cent tương đương 2.7% xuống 14.74 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn London giảm 9.9 USD tương đương 2.4% xuống 402.8 USD/tấn. Giá đường giảm do giá dầu thô Mỹ giảm dưới 50 USD/thùng sau khi châu Á, châu Âu và Trung Đông cho biết, hàng trăm trường hợp nhiễm virus corona mới và Mỹ cảnh báo về đại dịch không thể tránh khỏi.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 1.3 US cent tương đương 1.2% lên 1.0975 USD/lb. Cà phê Robusta giao cùng kỳ hạn tăng 4 USD tương đương 0.3% lên 1,286 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM giảm 2 JPY xuống 182.9 JPY (1.7 USD)/kg. Giá cao su tại Tokyo giảm phiên thứ 2 liên tiếp do virus corona bùng phát ngoài Trung Quốc và sau khi một quan chức y tế cấp cao của Mỹ cho rằng đại dịch là không thể tránh khỏi và kêu gọi người Mỹ chuẩn bị. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 85 CNY xuống 11,325 CNY (1,615 USD)/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	847.20	1.27%	-1.14	-12.9%	156,792	3/19/2020	21
VN30F2004	846.00	1.33%	-2.34	-4.0%	408	4/16/2020	49
VN30F2006	855.00	1.20%	6.66	-29.8%	73	6/18/2020	112
VN30F2009	849.10	1.69%	0.76	-10.1%	89	9/17/2020	203

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 6.66 điểm lên mức 848.34 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, STB, MWG, và MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 biến động mạnh đầu phiên sáng quanh vùng 838-842 điểm. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại tăng tích cực, chốt phiên lên gần 850 điểm. Thanh khoản giữ tại mức vừa phải, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh 835-850 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT1906	HSC	4/8/2020	41	5:1	324,840	220.6%	5.0 triệu	23.49%	1,700	730	21.67%	288.50	2.53
CFPT1905	SSI	4/22/2020	55	1:1	91,560	41.4%	1.0 triệu	23.49%	9,900	4,230	18.49%	2,783.30	1.52
CSTB2001	KIS	6/19/2020	113	1:1	483,950	205.4%	5.0 triệu	22.98%	1,500	1,820	13.75%	1,067.80	1.70
CTCB2001	HSC	6/22/2020	116	2:1	79,300	656.7%	5.0 triệu	24.53%	1,700	1,300	13.04%	649.70	2.00
CMWG1907	HSC	4/8/2020	41	10:1	359,500	1525.2%	5.0 triệu	23.94%	1,900	260	13.04%	16.60	15.66
CFPT2001	HSC	6/22/2020	116	5:1	276,860	235.2%	5.0 triệu	23.49%	1,600	1,250	12.61%	674.50	1.85
CMWG2001	HSC	6/22/2020	116	10:1	116,140	132.3%	5.0 triệu	23.94%	1,700	1,070	10.31%	383.80	2.79
CVNM1903	SSI	4/22/2020	55	1:1	26,870	31.6%	1.0 triệu	20.46%	26,600	4,100	10.22%	403.10	10.17
CFPT1908	MBS	6/17/2020	111	3:1	362,910	65.1%	2.4 triệu	23.49%	3,150	2,340	9.86%	1,473.80	1.59
CTCB1902	VND	6/5/2020	99	1:1	70,770	123.5%	2.0 triệu	24.53%	5,300	3,140	9.03%	2,396.70	1.31
CMWG2002	MBS	4/24/2020	57	10:1	680,480	196.6%	2.0 triệu	23.94%	1,950	1,300	5.69%	641.10	2.03
CVHM1902	SSI	4/22/2020	55	1:1	24,090	10.0%	1.0 triệu	22.17%	18,600	4,580	4.09%	1,392.60	3.29
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	57	5:1	71,550	-87.2%	2.0 triệu	21.91%	2,200	1,360	3.82%	638.40	2.13
CHDB2002	MBS	4/10/2020	43	2:1	202,440	-32.5%	1.5 triệu	24.04%	1,950	1,600	3.23%	1,171.10	1.37
CDPM2001	KIS	6/19/2020	113	2:1	212,640	34.7%	2.0 triệu	28.59%	1,000	380	2.70%	71.60	5.31
CHPG2003	MBS	5/4/2020	67	3:1	256,520	-12.2%	6.0 triệu	26.45%	1,570	820	2.50%	3.80	215.79
CVPB1901	VND	3/5/2020	7	1:1	50,460	-85.0%	2.0 triệu	26.89%	3,500	10,360	1.47%	10,366.40	1.00
CVPB2001	HSC	6/22/2020	116	2:1	142,000	30.8%	5.0 triệu	26.89%	1,500	4,630	1.31%	4,329.70	1.07
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	41	2:1	37,910	-10.5%	2.0 triệu	26.89%	1,000	3,980	-0.50%	4,079.00	0.98
CVIC1903	KIS	5/15/2020	78	10:1	262,510	51372.5%	4.0 triệu	16.34%	1,430	450	-4.26%	9.80	45.92
CVJC1902	SSI	4/22/2020	55	1:1	7,450	-13.4%	1.0 triệu	17.62%	27,900	6,900	-15.23%	1,171.90	5.89
Tổng:					4,140,750		64.90 triệu	23.62%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 27/2/2019, các chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

• Về giá, CFPT1905 và CSTB2001 tăng mạnh lần lượt là 18.49% và 13.75%. Trái lại, CVJC1902 giảm mạnh -15.23%. Thanh khoản thị trường tăng 10.35%. CMWG2002 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.73% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HDB, và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	107.40	2.29	1.81
TCB	22.75	1.79	1.24
STB	11.65	4.02	1.11
MWG	108.40	2.07	0.88
MBB	20.90	1.95	0.76

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	122.8	-1.76	-0.79
VCB	84.0	-1.18	-0.41
SAB	173.2	-2.15	-0.37
VIC	105.6	-0.28	-0.19
GAS	79.0	-1.13	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1906	65,500	57,000	56,000
CFPT1905	64,900	55,000	56,000
CSTB2001	12,499	10,999	11,650
CTCB2001	26,400	23,000	22,750
CMWG1907	144,000	125,000	108,400
CFPT2001	64,000	56,000	56,000
CMWG2001	132,000	115,000	108,400
CVNM1903	145,580	118,980	107,400
CFPT1908	63,450	54,000	56,000
CTCB1902	26,300	21,000	22,750
CMWG2002	129,500	110,000	108,400
CVHM1902	103,600	85,000	80,800
CPNJ2001	94,500	83,500	83,500
CHDB2002	29,900	26,000	28,000
CDPM2001	16,567	14,567	12,050
CHPG2003	26,810	22,100	22,950
CVPB1901	21,500	18,000	28,350
CVPB2001	23,000	20,000	28,350
CVPB2002	22,300	20,300	28,350
CVIC1903	137,300	123,000	105,600
CVJC1902	157,900	130,000	122,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.4	2.1%	0.8	2,136	10.0	8,655	12.5	4.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	83.5	0.6%	1.2	818	1.3	5,327	15.7	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	56.4	1.6%	1.3	1,820	0.6	1,632	34.5	2.2	29.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.3	0.3%	0.7	315	0.1	2,859	10.9	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	105.6	-0.3%	0.9	15,530	3.4	2,268	46.6	4.7	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	29.0	0.0%	1.1	2,865	1.6	1,253	23.1	2.4	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.9	0.2%	0.8	2,272	0.7	3,563	15.1	2.3	6.5%	16.3%
REE	Bất động sản	34.6	1.5%	1.1	466	0.9	5,286	6.5	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.2	1.7%	1.6	277	0.8	2,849	4.3	0.9	43.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	16.5	2.5%	1.4	372	1.1	1,787	9.2	0.9	53.9%	9.9%
VCI	Chứng khoán	26.9	1.5%	1.0	192	0.1	4,218	6.4	1.1	35.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.8	4.1%	1.9	236	0.7	1,421	12.5	1.3	55.0%	11.7%
FPT	Công nghệ	56.0	1.8%	0.9	1,651	7.1	4,225	13.3	2.7	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	48.0	0.6%	0.4	519	0.0	4,156	11.5	2.9	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	79.0	-1.1%	1.5	6,574	1.2	6,096	13.0	3.1	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	51.2	2.2%	1.5	2,651	0.5	3,495	14.6	2.6	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	15.4	0.0%	1.4	320	1.2	1,529	10.1	0.6	20.5%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.4	0.0%	0.8	998	0.3	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	98.5	1.4%	0.5	560	0.3	4,668	21.1	3.8	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.1	0.8%	0.6	205	0.1	774	15.6	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.1	0.5%	0.6	141	0.0	600	10.2	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	84.0	-1.2%	1.2	13,545	4.5	5,004	16.8	3.6	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	47.1	0.2%	1.7	8,236	1.5	2,398	19.6	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.2	1.6%	1.5	4,241	6.2	2,541	10.3	1.3	29.6%	13.1%
VPB	Ngân hàng	28.4	0.2%	1.2	3,005	3.6	3,370	8.4	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.9	2.0%	1.1	2,133	3.6	3,480	6.0	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.5	3.7%	1.2	1,837	5.8	3,686	6.9	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.8	0.2%	0.8	149	0.1	5,165	8.1	1.4	79.7%	17.2%
NTP	Nhựa	28.9	-0.3%	0.2	123	0.1	4,167	6.9	1.1	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	-0.7%	1.1	628	0.0	732	19.9	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.0	0.9%	1.0	2,755	3.3	2,581	8.9	1.3	38.6%	17.0%
HSG	Thép	7.8	0.6%	1.8	144	0.8	1,161	6.7	0.6	18.4%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	107.4	2.3%	0.8	8,131	4.0	5,478	19.6	6.8	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	173.2	-2.1%	0.8	4,829	0.4	7,477	23.2	5.9	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.7	-0.1%	1.2	2,526	3.5	4,772	10.4	1.4	38.6%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	22.1	1.4%	0.4	564	3.1	508	43.5	1.8	6.6%	4.4%
ACV	Vận tải	52.4	-0.4%	0.8	4,960	0.2	2,630	19.9	3.7	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	122.8	-1.8%	1.1	2,797	1.3	7,889	15.6	4.2	19.5%	28.7%
HAV	Vận tải	23.5	1.7%	1.7	1,449	0.7	1,640	14.3	1.8	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	19.2	1.3%	0.9	247	0.1	1,595	12.0	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	12.4	0.8%	0.6	152	0.2	2,421	5.1	0.8	31.4%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	68.8	2.7%	1.1	479	0.4	8,824	7.8	3.2	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	0.5%	0.7	359	0.1	1,454	12.7	1.3	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.5	-0.7%	0.9	241	0.0	1,953	7.4	1.0	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	64.9	3.8%	1.0	215	0.4	8,858	7.3	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.5	0.8%	1.0	471	0.1	1,567	15.6	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	22.5	0.7%	0.3	242	0.6	2,769	8.1	1.0	50.4%	12.9%
POW	Điện	10.1	-1.0%	0.6	1,028	0.5	1,064	9.5	0.9	12.9%	9.7%
NT2	Điện	20.0	1.0%	0.5	250	0.1	2,577	7.7	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	107.40	2.29	1.22	863890.00
CTG	26.20	1.55	0.43	5.52MLN
PLX	51.20	2.20	0.41	238530.00
TCB	22.75	1.79	0.41	2.32MLN
MWG	108.40	2.07	0.29	2.14MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.50	3.66	1.45	5.31MLN
SHB	8.80	10.00	1.07	18.18MLN
VCS	68.80	2.69	0.06	137300.00
SHS	7.20	4.35	0.04	581500.00
IDJ	19.60	7.10	0.04	569600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.08	1.23MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-0.71	46300.00	607060.00
GAS	0.00	-0.50	359090.00	373600.00
VJC	0.00	-0.35	243980.00	192700.00
VIC	0.00	-0.30	740420.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	116.10	-10.00	-0.12	100.00
NVB	8.80	-1.12	-0.04	2.74MLN
PTI	15.50	-5.49	-0.02	2100.00
DHT	46.00	-1.71	-0.01	47800.00
PMC	55.00	-3.34	-0.01	300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVT	7.81	6.99	0.00	30.00
HHS	4.29	6.98	0.02	2.11MLN
PGI	17.65	6.97	0.03	10.00
QCG	4.00	6.95	0.02	329240.00
CIG	1.85	6.94	0.00	13580.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVX	1.00	11.1	0.02	185900.00
DPC	12.10	10.0	0.00	400.00
SD4	4.40	10.0	0.00	100.00
SHB	8.80	10.0	1.07	18.18MLN
EBS	7.80	9.9	0.00	5300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TEG	4.00	-6.98	0.00	1490.00
AST	55.20	-6.91	-0.05	210730.00
PTC	5.04	-6.84	0.00	1570.00
TTE	10.25	-6.82	-0.01	10.00
TNC	13.80	-6.76	-0.01	1050.00

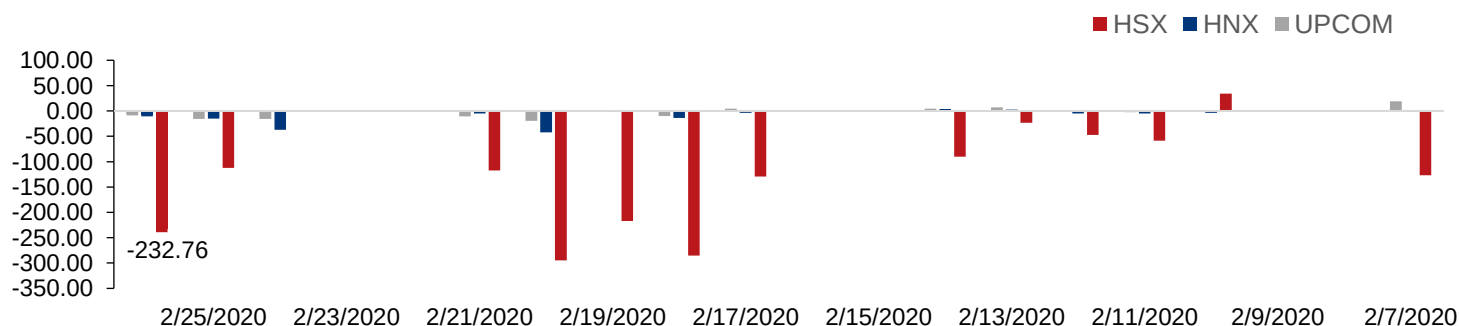
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.90	-10.00	0.00	1.55MLN
FID	0.90	-10.00	0.00	100.00
HHC	116.10	-10.00	-0.12	100.00
VCM	28.80	-10.00	0.00	100.00
VC2	16.30	-9.94	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
2	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
6	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
7	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
14	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	108.4	8,655	12.5	4.0	Click
2	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	31.5	6,362	4.9	1.2	Click
3	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	56.0	4,225	13.3	2.7	Click
4	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	23.3	2,109	11.1	1.7	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.6	3,897	6.8	1.2	Click
6	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	98.5	4,668	21.1	3.8	Click
7	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.1	5,020	5.2	1.2	Click
8	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	83.5	5,327	15.7	4.1	Click
9	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.4	2,421	5.1	0.8	Click
10	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	163.4	29,035	5.6	4.4	Click
11	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	12.4	0	35.4	0.4	Click
12	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	108.4	8,655	12.5	4.0	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.5	3,686	6.9	1.5	Click
14	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.7	2,736	4.6	0.7	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.8	2,881	7.9	1.3	Click
16	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	84.0	5,004	16.8	3.6	Click
17	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	27.3	7,028	3.9	1.4	Click
18	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.0	4,225	13.3	2.7	Click
19	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	26.6	3,897	6.8	1.2	Click
20	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	14.5	2,236	6.5	0.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
DHG 2020Q1	3/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 89500 ; Giá tại Publish 93000 Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/01/2020, DHG đóng cửa ở mức giá 93,000 VND; tương đương với mức P/E là 19.9, cao hơn 17% so với mức P/E ngành là 16.95. BSC cho rằng diễn biến tích cực của giá cổ phiếu DHG cũng như các cổ phiếu ngành được khác do kỳ vọng nhà đầu tư từ việc người dân tăng chi tiêu các sản phẩm thuộc do tâm lý lo lắng khi tình hình nghiêm trọng của dịch nCoV tại Trung Quốc.
Express MSN 2020Q1	21/01/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 55000 Kế hoạch 2020: (1) Doanh thu VCM kế hoạch đạt 42,000 tỷ đồng (+62% YoY), trong đó: DT Vinmart là 17 ngàn tỷ (+48% YoY), SSSG 24% và DT Vinmart+ là 27 ngàn tỷ (+ 78% YoY), SSSG 25% (2) Đạt điểm hòa vốn tại mức EBITDA, dao động trong -3% - 0%. (3) Giảm bớt số cửa hàng hoạt động không hiệu quả: Đóng 0-10 siêu thị và 150-300 CHTL. (4) Tăng tỉ lệ đồ tươi sống lên 35% so với năm trước là 30%. (5) Đầu tư 15 triệu USD vào phát triển hệ thống VCM: real-time inventory, Scan-go Self services, xây dựng trải nghiệm giữa kênh bán hàng - suppliers - 3PL, và O2O retail.
Express NTC 2019Q4	26/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 170000 Luận điểm đầu tư: Tăng trưởng cho thuê KCN Nam Tân Uyên 3 từ làn sóng FDI. Rủi ro Đầu tư: Rủi ro đầu tư: (1) Cơ cấu sở hữu giữa GVR, PHR và NTC dẫn đến khả năng thiếu kiểm soát của doanh nghiệp. (2) Phụ thuộc vào dòng vốn FDI
Express GMD 2019Q4	26/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 23950 BSC điều chỉnh sản lượng thông cảng tại Hải Phòng của GMD năm 2019 xuống 1.2 triệu TEUs (+3.2%yoy) – dự báo cũ là 1.3 triệu TEUs (+12%yoy). Theo đó tổng sản lượng của GMD trong năm nay đạt 1.95 triệu TEUs, +2%yoy (dự báo cũ là 2.05 triệu TEUs, +7.4%yoy). Doanh thu năm 2019 ước đạt 2,887 tỷ đồng (+6.63%yoy), LNST đạt 650 tỷ đồng (-66%yoy). Nếu loại trừ đi khoản lợi nhuận từ thoái vốn năm 2018 thì LNST năm 2019 tăng nhẹ 2.3%yoy.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn